

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 27 /TTP/2019

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm

1. Tên tổ chức, cá nhân: **Công ty Cổ phần Tetra Pak Việt Nam**
2. Địa chỉ: 235 Đồng Khởi, phường Bến Nghé, Quận 1, TP.Hồ Chí Minh
3. Điện thoại: 028 38277100 Fax:
4. Email: thinhatkhanh.huyen@tetrapak.com
5. Mã số doanh nghiệp (MST): 0302803331
6. Số Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP: Không áp dụng

II. Thông tin về sản phẩm

1. Tên sản phẩm: Bao bì TBA đựng thực phẩm

2. Thành phần chính: PE, màng nhôm, giấy và mực in.

Vật liệu cấu tạo: Sản phẩm được cấu tạo từ 6 lớp

- Lớp ngoài cùng: nhựa PE
- Lớp thứ 2: lớp giấy tạo độ cứng và mực in
- Lớp thứ 3: nhựa PE
- Lớp thứ 4: màng nhôm
- Lớp thứ 5 và thứ 6: Hai lớp nhựa PE

3. Thời hạn sử dụng sản phẩm: 12 Tháng kể từ ngày sản xuất với điều kiện bảo quản được đảm bảo theo yêu cầu đề nghị của Tetra Pak

4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:

- Sản phẩm được tạo thành cuộn, xếp trên pallet. Số cuộn xếp trên một pallet được ghi trên nhãn của mỗi pallet tại nhà máy sản xuất giấy.
- Các pallet được bọc bởi các lớp PE quấn xung quanh.

5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm:

- Tên nhà máy sản xuất: **Công ty cổ phần Tetra Pak Bình Dương**
- Địa chỉ nhà sản xuất: Đường số 30, Vĩnh Tân, Tân Uyên, Bình Dương, Việt Nam



III. Mẫu nhãn sản phẩm (đính kèm mẫu nhãn sản phẩm hoặc mẫu nhãn sản phẩm dự kiến) - Hình sản phẩm



Tấm, một mặt đã in,
một mặt màu xám, không in
(mặt tiếp xúc với thực phẩm).



- Nhãn gốc sản phẩm

Tetra Pak Material Description / Tên hàng hóa		Tetra Pak Material Description / Tên hàng hóa	
A: Tetra Pak® SP TH SWEET TBA200S FSC (BD)		18	
Tetra Pak Material Number / Mã số hàng hóa		EAN	
DVN-C459 -10		893621740015	
Customer name / Tên khách hàng		Global Id	
International Supply Chain Jet		930761459	
Production Order Number / Mã số nhà máy sản xuất		Tong trong	
P532-0600236		0	
Pallet Contents / Pa-lét gồm		GTIN of Content	
7-0016 / 16995		97329003910557	
9-0016 / 16995		SSCC	
5-0016 / 16995		373299506002360182	
7-0003 / 16990		Số tiền / Số tiền xuất	
8-0011 / 16975		0600236018	
9-0011 / 16920		03.07.19	
9-0014 / 16840		Customer Part Number	
Sản xuất: Việt Nam		01.07.20	
Thành phần: PE, nhôm, giấy và mực in			
Thông số kỹ thuật: QCVN 12-1:2011/BSY			
Hướng dẫn lưu trữ: 18°C - 40°C, độ ẩm 40% - 85%			
Hướng dẫn sử dụng: Dùng trên máy tương thích			
Xem tài liệu đính kèm			
Barcode		Barcode	
(02)97329003910557(11)190703(37)07(241)		(00)373299506002360182(30)118710(10)0600236018	

030280
CÔNG
CỔ P
TETRA
VIỆT
THÀNH PH

- Nội dung nhãn phụ sản phẩm

Bao bì TBA đựng thực phẩm

Thành phần: Sản phẩm được cấu tạo từ 6 lớp

- Lớp ngoài cùng: nhựa PE
- Lớp thứ 2: lớp giấy tạo độ cứng và mực in
- Lớp thứ 3: nhựa PE
- Lớp thứ 4: màng nhôm
- Lớp thứ 5 và thứ 6 (lớp tiếp xúc trực tiếp với sản phẩm): lớp nhựa PE

Kích thước sản phẩm: Sản phẩm được tạo thành cuộn, xếp trên pallet. Số cuộn xếp trên một pallet được ghi trên nhãn của mỗi pallet tại nhà máy sản xuất giấy.

Hướng dẫn sử dụng và bảo quản:

- Sản phẩm dùng để chứa đựng bao gói thực phẩm.
- Sản phẩm phải được đưa về phòng sử dụng ít nhất 24 tiếng trước khi bóc mở lớp PE ngoài, Bóc mở lớp PE ngoài cùng, sử dụng trực tiếp. Các sản phẩm dùng dở phải được bọc kỹ.
- Bao bì được bảo quản trong kho sạch, tránh ẩm và tránh ánh sáng chiếu trực tiếp
- Bao bì không lưu trữ chung với các loại nguyên vật liệu khác
- Bao bì phải được đặt trên pallet và các pallet phải đặt cách tường ít nhất 100mm
- Điều kiện bảo quản: Nhiệt độ 10 độ C – 40 độ C, độ ẩm 40-65%

Hạn sử dụng: 12 Tháng kể từ ngày sản xuất với điều kiện bảo quản được đảm bảo theo yêu cầu đề nghị của Tetra Pak

Xuất xứ: Việt Nam

Nhà sản xuất: Công ty Cổ Phần Tetra Pak Bình Dương

Địa chỉ nhà sản xuất: Đường số 30, Vĩnh Tân, Tân Uyên, Bình Dương, Việt Nam

Công bố sản phẩm và chịu trách nhiệm về chất lượng hàng hóa bởi: CÔNG TY CỔ PHẦN TETRA PAK VIỆT NAM, địa chỉ: 235 Đồng Khởi, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh. Điện thoại: 028-38277100.

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm

1 Sản phẩm đạt yêu cầu yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:

- **QCVN 12-1:2011/BYT** - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn vệ sinh đối với bao bì, dụng cụ bằng nhựa tổng hợp tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm.
- Giới hạn công bố các chỉ tiêu an toàn thực phẩm.

2 Kết quả giám định:

2.1 Mô tả mẫu:



Tám, một mặt đã in,
một mặt màu xám, không in
(mặt tiếp xúc với thực phẩm).

Stt	Tên chỉ tiêu	Kết quả giám định	Giới hạn tối đa cho phép nêu tại mục 5
2.2	Định danh nhựa (mặt không in - tiếp xúc thực phẩm)	Polyethylene	Thuộc nhóm nhựa nêu tại mục 5
2.3	Hàm lượng cặn khô chiết được từ mẫu, µg/mL - Trong nước cất, 60 °C, 30 phút - Trong axit axetic 4%, 60 °C, 30 phút - Trong n-heptan, 25°C, 60 phút	12 <5 <10	30
2.4	Hàm lượng KMnO ₄ tiêu thụ trong nước chiết được từ mẫu, 60 °C, 30 phút, µg/mL	<1	10
2.5	Hàm lượng kim loại nặng (qui ra chì) chiết được từ mẫu trong axit axetic 4%, 60°C, 30 phút, µg/mL	<1	1
2.6	Hàm lượng các kim loại trong vật liệu, µg/g - Chì (Pb) - Cadimi (Cd)	<5 <5	100

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố./.

TPHCM, ngày 25 tháng 9 năm 2019
ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN
 (Ký tên, đóng dấu)



Dương Ngọc Thủy Vy

